

nanoco



MANG GIÓ **THIÊN NHIÊN** VỀ TỔ ẤM



BẢNG GIÁ
Price list 04/2020

Panasonic



www.nanoco.com.vn

info@nanoco.com.vn

fb.com/nanoco.com.vn



Bề mặt mượt mà
Chất liệu cải tiến bóng mịn mượt mà.

Tổng quan thiết kế
Tạo sự đồng bộ hài hòa đẹp mắt với không gian của ngôi nhà.

Hài hòa không gian
Thiết kế góc cạnh mượt mắt.

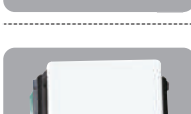
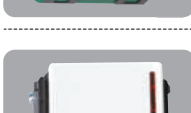
Góc đảo chiều. Bật/Tắt nhỏ
Thiết kế giúp công tắc thanh mảnh thích nghi với toàn bộ ngôi nhà.



	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	105.000	WMT501MYZ-VN	115.000	WMT501MYH-VN	115.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	129.000	WMT502MYZ-VN	139.000	WMT502MYH-VN	139.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	365.000	WMT594MYZ-VN	395.000	WMT594MYH-VN	395.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	165.000	WMT503MYZ-VN	175.000	WMT503MYH-VN	175.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	199.000	WMT504MYZ-VN	209.000	WMT504MYH-VN	209.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	699.000	WMT596MYZ-VN	759.000	WMT596MYH-VN	759.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	225.000	WMT505MYZ-VN	245.000	WMT505MYH-VN	245.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	239.000	WMT506MYZ-VN	259.000	WMT506MYH-VN	259.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 16A Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	365.000	WMT507MYZ-VN	395.000	WMT507MYH-VN	395.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 16A Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	439.000	WMT508MYZ-VN	469.000	WMT508MYH-VN	469.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	65.000	WMT7811MYZ-VN	85.000	WMT7811MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	65.000	WMT7812MYZ-VN	85.000	WMT7812MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	65.000	WMT7813MYZ-VN	85.000	WMT7813MYH-VN	85.000
	Mặt kín đơn Cover plate	WMT6891-VN	65.000	WMT6891MYZ-VN	85.000	WMT6891MYH-VN	85.000
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN	2.500.000	WMT707MYZ-VN	2.700.000	WMT707MYH-VN	2.700.000

Halumie



	WEVH5531-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	19.500
	WEVH5521/ WEVH5521-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH5511/ WEVH5511-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH5532/ WEVH5532-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	47.000
	WEVH5522/ WEVH5522-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	47.000
	WEVH5512/ WEVH5512-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	47.000
	WEVH5542-7 Dùng với mặt WEVH68030 Công tắc C, 2 chiều, loại đôi 250VAC - 10A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	149.000
	WEVH5003 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	162.000
	WEVH5004 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	259.000
	WEVH5033-7 Có đèn báo Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	255.000

	WEVH5531K / WEVH5531-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	22.000
	WEVH5521K / WEVH5521-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	22.000
	WEVH5511K / WEVH5511-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	22.000
	WEVH68010 Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68020 Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68030 Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH680290 Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68910 Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH8061 Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	19.000
	WEVH68040 Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEVH68060 Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEVH5151 - 51/WEVH5151-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	120.000
	WEVH5152 - 51/WEVH5152-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	141.000
	WEVH5401-011 Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	71.000



	WEV5001SW/WEV5001-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 19.000		WEV5001H/WEV5001-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B (1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 34.000
	WEV5002SW/WEV5002-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C - 2 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 41.000		WEV5002H/WEV5002-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C [2 - ways] Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 59.000
	WEG5003KSW Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 146.000		WEG5003KH Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D [2 poles] Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 216.000
	WEG5004KSW Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 233.000		WEG5004KH Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E [4 ways] Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 314.000
	WEG5151-51SWK/WEV51517SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 107.000		WEG5151-51KH/WEV51517H Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 136.000
	WEG5152-51SWK/WEV51527SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 126.000		WEG5152-51KH Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 168.000
	WEV5033-7SW Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 227.000		WEV5033-7H Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 283.000
	WEG5401-011SW Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 65.000		WEG5401-7H Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 100.000
	WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng 325.000		WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng 546.000
	WEG5141SW Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 293.000		

	WEV1081SW/ WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	37.000		WEV1081H/WEV1081-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	47.000
	WEV1181SW/ WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	64.000		WEV1181H/WEV1181-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	87.000
	WEV1582SW/ WEV1582-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	93.000		WEV1582H/WEV1582-7H Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	127.000
	WEV2501SW Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	81.000		WEV2501H Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng	121.000
	WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	81.000		WEV2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	121.000
	WEV2488SW-CAT5 WEV24886SW-CAT6 Ổ ảm data CAT5/ Ổ ảm data CAT6 Data modular CAT5/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	176.000 210.000		WEV2488H-CAT5 WEV24886H-CAT6 Ổ ảm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	210.000 252.000
	WEF11721W8 Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V / Output: 5V - 2A	590.000		WEF11721H8 Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V/ Output: 5V-2A	690.000
	WEG57912SW (Thời gian đặt hàng 4 tháng) Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	710.000		WEG57912H (Thời gian đặt hàng 4 tháng) Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	810.000
	WEG3020SW Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng	10.000		WEG3020H Nút trống Blank chip Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	14.000
	WEG3023SW Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip đĩa 9mm/16mm Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	10.000		WEG3032RH Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	136.000
	WEG1001SW Ổ cắm đơn [dùng cho phích cắm dẹp], 250VAC - 16A Flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000		WEV1091SW Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000
	WEG1090SW Ổ cắm đơn [dùng cho phích cắm tròn], 250VAC - 16A round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000		WEGP1041SW-1 Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A 1 - gang multiple socket (A type plate) Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	189.000

	WEV68010SW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68010MH Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV68020SW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68020MH Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV68030SW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68030MH Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV68910SW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68910MH Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV680290SW Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV680290MH Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV7061SW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	17.000		WEV7061MH Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV7001SW Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	17.000		WEV7001MH Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEG6804SW / WEV68040SW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	32.000		WEV68040MH Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000
	WEG6806SW / WEV68060SW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	32.000		WEV68060MH Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000
	WEV68920SW Mặt kín đôi Double cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	32.000			

	WEG68010MB/WEV68010MB Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG68010MW/WEV68010MW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG68020MB/WEV68020MB Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG68020MW/WEV68020MW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG68030MB/WEV68030MB Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG68030MW/WEV68030MW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV68910MB Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV68910MW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG680290MB/WEV680290MB Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG680290MW/WEV680290MW Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV7061MB Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV7061MW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV7001MB Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV7001MW Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG6804MB/WEV68040MB Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG6804MW/WEV68040MW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000
	WEG6806MB/WEV68060MB Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG6806MW/WEV68060MW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000

MẶT CÓ NẮP CHE

	WEG7901 Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 1 device IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG7902 Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 2 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG7903 Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 3 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG8981 Mặt có nắp che mưa Weatherproof plate - IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng	219.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP

	WEG6501-1 Dùng cho 1 thiết bị 1 device metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG6503-1 Dùng cho 3 thiết bị 3 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG6502-1 Dùng cho 2 thiết bị 2 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG65029-1 Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1-gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000



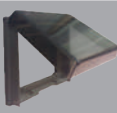
Refina MÀU

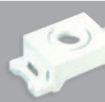
	WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55317MH Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000
	WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000
	WEG55327MH Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000

Refina TRẮNG

	WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	34.000
	WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	34.000
	WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Switch C - 3 ways Dùng với mặt WEV68030SW Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	142.000
	WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	62.000
	WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	62.000
	WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	62.000
	WEV5533-7SW (Bắt vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	272.000

CHUYÊN DỤNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

	WEG5001K-031 Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A Switch B "Make Up Room" Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	29.000		WEG3032G-031 Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A "Make Up Room" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	160.000
	WEG5002K-021 Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A Switch C "Do not disturb" Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	51.000		WEG3032R-021 Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A "Do not disturb" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	160.000
	WEB1051W Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu Shaver socket build switch In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/ thùng	1.460.000		WBC7010 Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	134.000
	WEB5781WK Công tắc thẻ / Card Switch 220VAC - 16A Hàng không có sẵn Đặt hàng trước 4 tháng	1.730.000		WBC7020 Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	185.000
	WEBP1041SW-P Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A 1 gang multiple socket (BS type plate) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	189.000		WBC8981SW Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	184.000
	WEB1111SWK Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A Receptacle - BS standard Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	115.000		WBC8991W Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	200.000
	WEB7811SW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7811MH Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7812SW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7812MH Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7813SW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7813MH Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7811MW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000		WEB7811MB Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7812MW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000		WEB7812MB Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7813MW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000		WEB7813MB Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WBG8981 - P Mặt có nắp che mưa chuẩn BS Weatherproof plate (BS type plate), IP55 Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	215.000			

	WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	12.000
	WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	92.000
	WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.000
	WNG5003W-7 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 10A Switch D(2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	109.000
	WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	175.000
	WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	354.000
	WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	102.000
	WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	123.000
	WNG5343W-761 Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng (có chữ) Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	180.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy lạnh (có chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5414699W-SP Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5408699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 45A Dùng cho bếp điện, máy nước nóng Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	369.000
	WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting switch B, single pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	42.000
	WZV7841W Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7842W Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7843W Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000
	WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	25.000
	WNG159237W Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	74.000
	WZV1201W Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	61.000
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	165.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	53.000
	WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A, round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	30.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	30.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000
	WZV7061W Mặt góc vuông dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7844W Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	31.000
	WZV7846W Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	31.000

Gen-X A-TYPE



BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO

**WTEGP51552S-1-G**

Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate

800.000

**WTEGP52562S-1-G**

Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate

1.370.000

**WTEGP53572S-1-G**

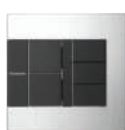
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate

2.050.000

**WTEGP54562S-1-G**

Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate

2.750.000

**WTEGP55582S-1-G**

Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate

3.400.000

**WTEGP56572S-1-G**

Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate

4.100.000



kiểu dáng cực mỏng

Nắp che được thiết kế
hoàn toàn phẳng.

MẶT ĐẲNG

**WTEG6503S-1-G**

Mặt đúng 3 thiết bị
1 - gang, 3 - devices

490.000

BS - TYPE

**WTFBP51552S-1-G**

Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate

670.000

**WTFBP52562S-1-G**

Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate

1.170.000

**WTFBP53572S-1-G**

Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate

1.750.000

**WTFB6503S-1-G**

Mặt đúng 3 thiết bị
1 gang, 3 devices plate

420.000

**WEV2501B**

Ổ cắm TV
DIN type television terminal

130.000

**WEV2364B**

Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

130.000

**WEV2488B**

Ổ data CAT5
CAT5E data
Modular jack

260.000

**WEG57912B-1**

Bộ điều chỉnh độ sáng cho
đèn LED có chức năng điều
chỉnh độ sáng (Max 8 đèn
LED hoặc tổng công suất
nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for
LED dimmable bulb (Max 8
LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20
cái/thùng
Thời gian đặt hàng 4 tháng

830.000

**WEG57816B-1-G**

Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W

630.000

**WEG57813B-1-G**

Bộ điều chỉnh sáng tối
300W, 220V
Dimmer switch 220VAC 300W

560.000

**WEG15829B-G**

Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shutter 16A - 250V

137.000

**WEG3020B-G**

Nút trống
Blank chip

17.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

NEW

WCHG243322W-G
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB, 250VAC - 16A
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng

740.000

WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 16A
Extension cord 6 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

760.000

WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 16A
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

999.000

WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 250VAC - 10A
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng

419.000

WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 16A
Extension cord 5 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

830.000

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị

DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.080.000

Loại lắp 6 thiết bị

DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

1.790.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị

DUFS1200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.320.000

DU81931HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Grounding duplex universal receptacle

860.000

NEW

DU5900VT
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.

1.200.000

DU8199HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

795.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

CHUÔNG ĐIỆN

EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888

107.000

EBG888
Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói 10 cái/thùng

184.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/BÁO CHÁY

Độ nhạy cao: Đầu dò với thiết bị cảm ứng Napion sản xuất theo công nghệ Panasonic.
Tuổi thọ cao: Thiết kế chức năng bật tắt 100.000 lần ở chế độ toàn tải.

WTKG2311
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Sản xuất tại Đài Loan
Chế độ hẹn giờ tắt
10 giây - 30 phút

Loại gắn nổi

2.540.000

WTKG2411-P
Sensor chính
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng đèn sợi đốt 660W - Bóng đèn huỳnh quang 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux

Sản xuất tại Thái Lan

1.580.000

WTKG2911-P
Sensor phụ
Chỉ kết nối với WTKG2411-P
Không kết nối với đèn

945.000

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Chế độ hẹn giờ 60 giây
Sản xuất tại Thái Lan
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

Loại âm trần

1.180.000

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Sản xuất tại Nhật Bản

Lắp trần và tường

980.000

TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1 :2004

	Mã số	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá Lê (Cái)
	NDF104P	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDF104	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDF108P	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDF108	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDF110	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDF114	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDF120	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDF126	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDF128	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

DIMMER

ĐÈN BÁO



NDF603F/ NDL603F-Full
NDF603W/ NDL603W-Wide
FDL603FW-Full
FDL603W-Wide

- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500


N302WF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000


NDL903F-Full/ NDL903W-Wide
FDL903FW-Full

- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn
- Dimmer for incandescent lamp
- 220VAC - 1000W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000


N302GF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000

CẦU CHÌ



NF101F-Full/ NF101W - Wide
FF102F-Nano-Full/ FF102W-Nano-Wide

- Cầu chì - Fuse
- 220VAC - 10A
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800


N302RF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302RW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

CÔNG TẮC THỂ



NCS7001
- Công tắc thể (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch - 20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

nanoco
800.000


WNH5611-801
- Công tắc thể (3 tiếp điểm)
- Tablet switch (3 circuits)
- 250V - 10A

Panasonic
1.725.000

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB



NS80

- Đai sắt dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
- Frame for HB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



NN81

- Đai nhựa dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
- Frame for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

4.000



NHB9801

- Hộp nối dùng cho HB
- Mounting surface plate for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

8.000



NBD9802

- Hộp nối dùng cho CB 2 tếp
- Mounting surface plate for MCB 2P
- Kích thước: 121x54x69.47mm
- Đóng gói 30 cái/thùng

18.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔ



NBD200

- Hộp âm cho CB tếp
- Wiring box for MCB
- Kích thước: 115x66x58mm
- Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng

9.000



NN101F/ FN101M-Full/ NN101W-Wide

- Hộp nối đơn
- Surface box
- Kích thước: 120x70x35mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

10.500



NN102F-Full/ NN102W-Wide

- Hộp nối đôi
- Duplex surface box
- Kích thước: 120x115x35mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

16.000



NA101

- Hộp âm nhựa trắng, đơn
- Wiring box - 1 gang
- Kích thước: 106x64x43mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200



NA102

- Hộp âm đôi
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 109x103x44mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

14.000



NA105

- Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box - BS Standard
- Kích thước: 80x80x42.5mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.000



NA106

- Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu
- (Dùng cho WEB1051W)
- Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
- Kích thước: 135x75.6x58mm
- Đóng gói 40 cái/thùng

18.000



NPCA104

- Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 131x106x42.5mm
- Đóng gói 50 cái/thùng

14.000

HỘP NỔ DÂY



NPA10050V

- Hộp nối dây 100x100x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

20.000



NPA12050V

- Hộp nối dây 120x120x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

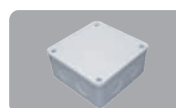
24.000



NPA15055V

- Hộp nối dây 150x150x55mm
- Wiring box
- Đóng gói 20 cái/thùng

35.000



NPA20065V

- Hộp nối dây 200x200x65mm
- Wiring box
- Đóng gói 10 cái/thùng

62.000



NPA103V

- Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
- Round junction box
- Đóng gói 60 cái/thùng

10.000

MẶT THIẾT BỊ



NBD101W

- Mặt dùng cho 1 CB tếp
- Plate for 1p MCB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



NB9601

- Nắp kín đơn
- Wiring box lid - 1 gang
- Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602

- Nắp kín đôi
- Wiring box lid - 2 gang
- Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N

- Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box lid - BS Standard
- Đóng gói 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000



Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nối đều có kèm vít

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ



Tự động quản lý

Thời gian và điện năng hiệu quả hơn



TB178

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 15A
6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút
Không có pin dự trữ
6 operations, minimum setting time is 30 min
W/o battery

620.000



TB118

SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.
Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ
6 operations, minimum setting time is 30 min
C/w battery 300 hours

998.000

TB380N2457

Pin dùng cho TB118

199.000



TB35809NE5

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 20A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Không có pin dự trữ
96 operations, minimum setting time is 15 min
W/o battery

745.000



TB38809NE7

SPST Type
220 - 240VAC, 15A
96 chế độ cài giờ
Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ 300 giờ
96 operations, minimum setting time is 15 min
C/w battery 300 hours

1.150.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground
WK2320K 250V - 20A - 3P
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

187.000

220.000

650.000



WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

340.000

725.000



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle
250V - 30A - 3P

510.000



WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground
WF2320WK 250V - 20A - 3P
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground

160.000

200.000

500.000



WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground

320.000

640.000

320.000



WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle
125V - 15A

270.000



WN37008
Đại kim loại
Metal - Frame

14.000



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35.5/45.5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35.5 dia/45.5 dia

97.000



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless plate

88.000



WN3040K-8
Trạm nổi đất
Grounding - terminal

90.000



WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground
WF6320 250V - 20A - 3P
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground
Phích cắm locking/Locking Plug

115.000

189.000

470.000



WF6420 250V - 20A - 3P + Ground
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground
Phích cắm locking/Locking plug

220.000

500.000



WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P

660.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W
Phích cắm 3 chấu
Grounding plug
125V - 15A
Đóng gói 10 cái/hộp

87.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - MCB
MCB BD - 63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD - 125:IEC 60947 - 2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	86.000
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói 48 cái/thùng	BBD1501CNV	50		203.000
	BBD1631CNV	63		
Đóng gói 8 cái/thùng	BBD108011C	80	230VAC 10kA	730.000
	BBD110011C	100		800.000

MCB 02 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD2062CNV	06	240VAC 10kA 415VAC 06kA	247.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
Đóng gói 24 cái/thùng	BBD2502CNV	50		409.000
	BBD2632CNV	63		
Đóng gói 4 cái/thùng	BBD208021C	80	400VAC 10kA	1.450.000
	BBD210021C	100		1.600.000

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	438.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
Đóng gói 16 cái/thùng	BBD3503CNV	50		654.000
	BBD3633CNV	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD308031C	80	400VAC 10kA	1.940.000
	BBD310031C	100		2.040.000

MCB 04 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD4064CA	06	415VAC 06kA	618.000
	BBD4104CA	10		
	BBD4164CA	16		
	BBD4204CA	20		
	BBD4254CA	25		
	BBD4324CA	32		
	BBD4404CA	40		
Đóng gói 12 cái/thùng	BBD4504CA	50		922.000
	BBD4634CA	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD408041C	80	400VAC 10kA	3.000.000
	BBD410041C	100		3.200.000

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ
/ 02P - C CURVE.RCBO BDE-40, 63:IEC 61009 STANDARDS



Đóng gói
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
BBDE20631CNV	06	30	06	587.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25	30	06	628.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40			
BBDE25031CNV	50	30	06	891.000
BBDE26331CNV	63			

CẦU DAO CHỐNG GIẬT 4P
/25A, 32A, 40A, 50A, 63A



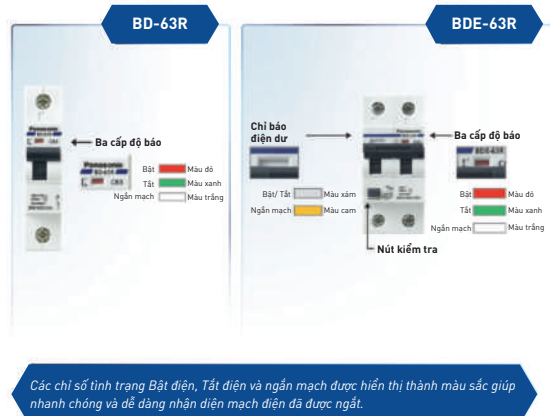
Đóng gói
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
BBDE42534CNV	25	30	06	1.500.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50			
BBDE46334CNV	63			
				1.980.000

* Dự kiến có hàng tháng 01/2020

NHẬN BIẾT DỄ DÀNG HƠN

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ **Bật điện/Tắt điện/Ngắn mạch**



Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MẠCH ĐIỆN TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - Molded Case Circuit Breaker - MCCB

IEC 60947-2 Standards

Hình ảnh Images	Mã số Code	Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)		Đơn giá Price (VNĐ)
			200 VAC	500 VAC	
	BBC3601YHV	63	25	7.5	1.700.000
	BBC3100YHV	100			
	BBC31502YHV	150	35	10	4.300.000
	BBC32001YHV	200			
	BBC3250YHV	250			

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)		
			200 VAC	415 VAC	

MCCB 02 P - GD Series

	BBW240SKY	40	10	2.5	880.000
	BBW250SKY	50			
	DIN rail mounting (Gắn trên thanh ray)				
	BBW260Y	60	5	2.5	940.000
	BBW275SKY BBW2100SKY	75	50	25	1.720.000
100					

MCCB 03 P - GD Series

	BBW310Y	10	2.5	1.5	690.000
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			
	BBW340SKY	40	10	2.5	1.120.000
	BBW350SKY	50			
	BBW360SKY	60			
	DIN rail mounting				
	BBW375SKY	75	50	25	2.200.000
	BBW3100SKY	100			
	BBW3125SKY	125	50	25	2.870.000
	BBW3150SKY	150			

MCCB 03 P - GD Series

	BBW3175KY	175	50	25	3.950.000
	BBW3200KY	200			
	BBW3225KY	225			
	BBW3250KY	250	50	25	6.300.000
	BBW3400KY	400	50	25	8.600.000

BỘ NGẮT MẠCH AN TOÀN HB-02P & ELB BẢO VỆ DÒNG RÒ-02P Safety Breaker & Earth Leakage Breaker

JIS Standards

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions			Đơn giá Price (VNĐ)
	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA) 240VAC	
 Đồng gói 50 cái/ thùng	BS11106TV	6	1	82.500
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	350.000
	30	15 30	1.5	
	BJS3020NA2	ELB không bảo vệ quá tải		
	BJS3030NA2	ELB W/o O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	755.000
	30	30	2.5	
	BJJ23030-8	ELB không bảo vệ quá tải ELB W/o O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	888.000
	30	15 30	1.5	
	BJJ23022-8	ELB có bảo vệ quá tải		
	BJJ23032-8	ELB with O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	1.550.000
	50	30	2.5	
	BKW2503Y	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	2.300.000
	60	30	10	
	BKW2603SKY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	3.200.000
	100	30	25	
	BKW21003KY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15TGU1	10	240	35	15	21.7	790.000
FV-20CUT1	23	438	40.5	27	27	890.000
FV-25TGU5	26.5	612	39	38	31.5	990.000

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG THEO NHU CẦU

Sử dụng riêng cho phòng tắm

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ (cm)	
FV-10BAT1	15	80	40	16x21	1.980.000

Sử dụng cho nhà bếp

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.510.000

- Nắp dạng lưới bằng nhôm không dính nước (Dầu sẽ đọng lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

Sử dụng cho nhà tắm

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGS1	5.5	75	35	12	770.000
FV-15EGS1	6.2	150	36	16.5	930.000

Sử dụng cho nhà tắm, có nắp che mưa

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGK	5.5	75	33	13.5	835.000
FV-15EGK	6.2	160	34	18	1.065.000

Sử dụng cho nhà tắm, có lưới chắn côn trùng, kháng nước IPX4

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGF1	5.5	75	31	13.5	950.000
FV-15EGF1	6.2	155	33	18.5	1.190.000

Ốp vách kính

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	940.000
FV-20WU4	16	360	32	24	1.210.000

- Đường kính lỗ kính 17.7cm/23.8cm

MÁY SƯỚI DÙNG CHO PHÒNG TẮM

Chức năng thông gió và sưởi ấm

FV-27BV1					5.990.000
- Kích thước lắp đặt 270x270mm - Kích thước ống dẫn Ø100mm					
Sưởi ấm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)		
	1,300	150	46		
Thông gió	21		42		

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL	12.5	255	36	16	20	980.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20AL9	20	546	40	34	25	1.000.000
FV-25AL9	27	835	43	52	30	1.105.000
FV-30AL7	31	930	43	58	35	2.220.000

Loại 2 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20RL7	20	546	39	34	25	1.600.000
FV-25RL7	29	840	43	54	30	1.960.000
FV-30RL6	31	990	44	61	35	2.300.000

Loại 1 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20AU9	20	580	38	36	25	800.000
FV-25AU9	27	920	39	57	30	905.000
FV-30AU9	31	1,150	39	74	35	1.470.000

Loại 2 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20RG7	20	580	36	36	25	1.460.000
FV-25RG7	27	945	38	58	30	1.670.000
FV-30RG7	31	1,165	39	72	35	2.020.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP Industrial Ventilating Fans

Dòng sản phẩm chịu áp lực cao

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-25GS4	39	1,100	34	27.5		4.450.000
FV-30GS4	59	1,800	38	32.5		6.150.000
FV-35GS4	88	2,670	44	39.5		7.550.000
FV-40GS4	161	3,780	47	44.5		9.600.000
FV-45GS4	227	5,400	51	50		15.700.000

Made in Japan

(*) Tham khảo thêm dòng **Quạt hút Cabinet** (trang 18) độ ồn thấp, sử dụng cho văn phòng.

ƯU ĐIỂM CỦA CÁNH QUẠT - QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP



Áp suất tĩnh cao, tiết kiệm điện

Thiết kế cánh quạt hình sóng độc đáo giúp quạt hoạt động với áp suất tĩnh cao và tiêu thụ điện năng thấp.



Độ ồn thấp

Cánh quạt được thiết kế với lưới ly tâm giúp tăng hiệu suất thông gió và giảm tiếng ồn khi hoạt động.



Độ bền cao

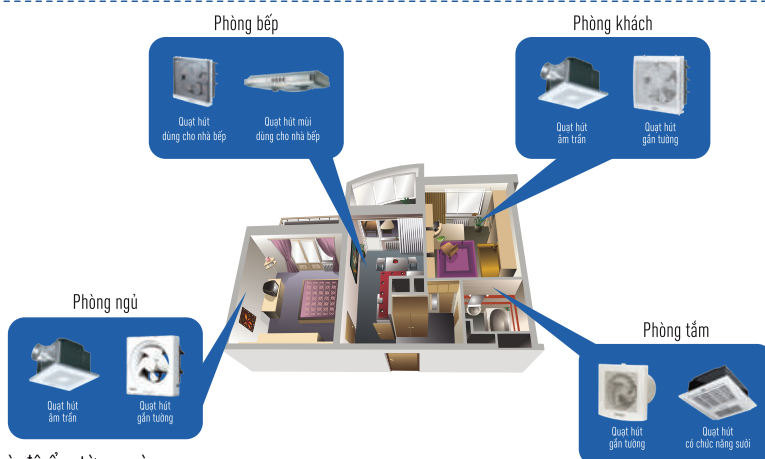
Bề mặt được sơn chống gỉ cùng với thiết kế giúp áp suất phân bố đều trên bề mặt cánh giúp cánh quạt bền hơn.

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc,...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu cho phòng ngủ vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp: 26 dB
- Động cơ DC tiết kiệm điện lên tới 35%
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000 giờ
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- 3 cấp độ lưu lượng gió phù hợp với yêu cầu thông thoáng khí và độ ẩm từng mùa



QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ						
FV-17CU8	7.5	85	23	5	17	2.305.000
FV-24CU8	10.5	140	25	9	24	2.860.000
FV-24CD8	13.5	170	28.5	11	24	2.950.000
FV-24CH8	16.5	200	32	12	24	3.095.000



Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ						
FV-27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	20	27	4.550.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34			
FV-32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	27	32	6.100.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36			
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	33	32	6.650.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41			
FV-38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	40	38,5	8.300.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44			
FV-38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	49	38,5	9.000.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50			

Dòng quạt hút có sensor

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ					
FV-24CUR1	11	140	25	9	24
FV-24CHR1	17	200	32	12	24

*Sensor chuyển động

FV-24CURV1	11	140	25	9	24	5.500.000
FV-24CHRV1	17	200	32	12	24	5.700.000

*Sensor chuyển động & độ ẩm



Dòng quạt hút có sensor

Động cơ DC, vận hành cực êm, dùng với ống dẫn Ø100mm

FV-24JR2	3.6	80	20	10	24	5.000.000
	5.2	120	26			
	8	160	31			
FV-24JA2						4.350.000

Riêng FV-24JR2 có sensor hồng ngoại hỗ trợ điều chỉnh tốc độ quạt.

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã số	Cấp độ	W	CMH	dB	S (m²)	D (cm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	11	Ø100	2.950.000
	Low	17	145	17			
FV-15NS3	Hi	33	340	25	21	Ø150	3.900.000
	Low	29.5	275	22			
FV-18NS3	Hi	60	500	29	31	Ø150	4.650.000
	Low	55	405	27			
FV-18NF3	Hi	91	770	31	48	Ø200	5.650.000
	Low	80	620	29			
FV-20NS3	Hi	120	920	32	57	Ø200	6.990.000
	Low	113	720	29			
FV-23NL3	Hi	230	1200	40	74	Ø200	8.550.000
	Low	170	900	34			
FV-25NS3	Hi	345	1700	41	105	Ø250	11.300.000
	Low	265	1380	38			
FV-25NF3	Hi	390	1900	43	117	Ø250	12.990.000
	Low	325	1600	40			



Tạo luồng gió lớn
(Đối diện với động cơ)

Đường dẫn lưu lượng lớn

Áp suất tĩnh cao
(Phía động cơ)

Kích thước cánh lớn

Mạnh mẽ với luồng gió kép
Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Nắp kim loại

Hộp kết nối được đặt ở cuối thiết bị

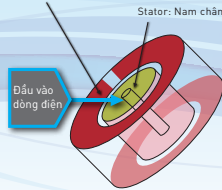
*Giá bán đã bao gồm VAT

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC)

Động cơ điện một chiều (DC)

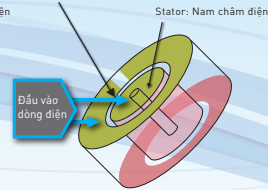
Rotor: Nam châm vĩnh cửu



Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

Động cơ điện xoay chiều (AC)

Rotor: Nam châm điện

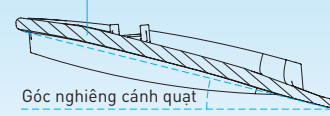


Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

Thiết kế cánh quạt 3D

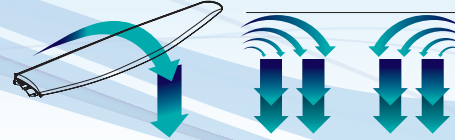
Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.

Đường cong cánh quạt



Góc nghiêng cánh quạt
Thiết kế đường cong 3D ở tâm cánh quạt giúp đón gió hiệu quả.

Luồng gió
Mạnh mẽ hơn



⚠ Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

Ánh sáng trắng

Ánh sáng ban ngày

Ánh sáng vàng

Ánh sáng vàng dịu

DC Motor **LED**

F-60UFN

- Công suất 59W (motor: 37W, đèn: 22W)
- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

11.990.000

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm
Đèn LED có 4 chế độ sáng

DC Motor **ECONAVI**

F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

8.990.000

DC Motor

F-60XDN (Màu đen)
F-60XDN-W (Màu trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

7.690.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn NSX và tiếp đất theo HDSD để đảm bảo an toàn khi giởng sét.



Đường kính cánh 180cm

F-70ZBP (Chiều dài ti:40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

16.600.000



Đường kính cánh 200cm

F-80ZBR (Chiều dài ti:40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

18.200.000



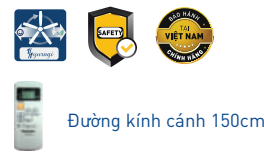
Đường kính cánh 150cm

F-60TDN (Chiều dài ti:28.8cm)

F-60TDN-S (Chiều dài ti:21cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.650.000



Đường kính cánh 150cm

F-60WWK (Chiều dài ti:31.8cm)

F-60WWK-S (Chiều dài ti:22.5cm)

- Công suất 76W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 7 cấp độ gió, lưu lượng gió 220m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.650.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 29.2cm

F-56XPG (Màu đen)

F-56XPG-W (Màu trắng)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 191m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.450.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 31.7cm

F-56MPG-GO (Màu vàng ánh kim)

F-56MPG-S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.110.000



Màu trắng viền vàng
Đường kính cánh 150cm
Hộp số loại nổi

F-60MZZ-MS Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (22.8cm)

F-60MZZ-S Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (30.4cm)

F-60MZZ Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (45.6cm)

F-60MZZ-L Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (59.8cm)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút

1.450.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 40cm

F-56MZZ-GO (Màu vàng ánh kim)

F-56MZZ-S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.110.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn NSX và tiếp đất theo HSDS để đảm bảo an toàn khi giông sét.

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



F-409KB (Màu xanh)
F-409KBE (Màu beige)
F-409KMR (Màu đỏ)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 128cm - 143cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

3.680.000



F-407WGO (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 134 - 157cm
- Công suất 53.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.000.000



F-308NHB (Màu xanh)
F-308NHP (Màu hồng)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 91cm - 105cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 40m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

3.650.000



F-307KHB (Màu xanh)
F-307KHS (Màu bạc)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 66 - 85cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 50.7m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Mạng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

2.550.000

QUẠT BÀN - Desk fan



F-400CB (Màu xanh)
F-400CI (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 48W
- Lưu lượng gió 75m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.390.000



F-409QB (Màu xanh)
F-409QGO (Màu vàng)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 45W
- Lưu lượng gió 79m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

2.950.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



- Thiết kế AN TOÀN
- Lưu lượng gió 100M³/PHÚT
- Vận hành êm ái KHÔNG GÂY TIẾNG ỒN



F-50YUZ (Màu đen)

- Đường kính quạt 50cm
- Công suất 53 ~ 63W
- Lưu lượng gió 100m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.000.000



F-409MB (Màu xanh)
F-409MG (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

2.590.000



F-409UB (Màu xanh)
F-409UGO (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 47.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.090.000

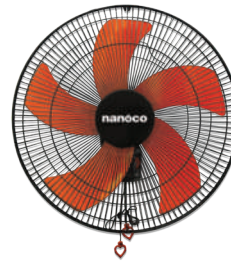
QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan & QUẠT ĐẢO - Cycle Fan

**NWF1604G** (Màu xám)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió



520.000

**NWF1606** (Màu đen cam)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió



550.000



Điều khiển từ xa

**NWF1605G-RC** (Màu xám)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió
- 3 chế độ gió: Gió thường, gió ngủ, gió tự nhiên
- Hẹn giờ tắt 0.5 - 7.5 giờ
- Có remote

820.000

Quạt đảo - Cycle Fan

**NOF1609** (Màu xám trắng)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió



595.000

QUẠT ĐỨNG - Standing fan

**NSF1616BL** (Màu xanh)**NSF1616BE** (Màu trắng ngà)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Chiều cao quạt 110cm - 130cm
- Công suất 42W
- Lõi motor dây đồng
- 4 cấp độ gió
- Có chế độ hẹn giờ

710.000

**NSF1620BL-RC** (Màu xanh)**NSF1620BE-RC** (Màu trắng ngà)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió
- 3 chế độ gió: Gió thường, gió ngủ, gió tự nhiên
- Hẹn giờ tắt 1 - 7 giờ
- Có remote



Điều khiển từ xa

1.100.000

QUẠT SẠC GẤP GỌN - Rechargeable Fan

**NFF1617W** (Màu trắng)**NFF1617P** (Màu hồng)

- Quạt có thể gấp gọn
- Chất liệu hợp kim nhôm và nhựa ABS
- Kích thước xếp (mm): 197 x 197 x 93
- Kích thước mở (mm): 197 x 197 x 975
- Lưu lượng gió: 2.3 ~ 4.0 m/s
- Nguồn điện 5V - Pin 3.7V 7200 mAh
- Thời gian sử dụng: 5 - 24 tiếng
- Độ ồn: 30 - 40 dB

820.000



QUẠT SẠC

nanoco

An toàn - Tiện nghi - Hiện đại

BỀN BỈ - MẠNH MẼ

Thay đổi kích thước nhanh chóng

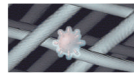
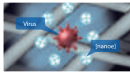
Thu gọn dễ dàng

CÔNG NGHỆ NANOTM



KHÁNG KHUẨN/NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% VI KHUẨN (E. Coli O157, MRSA-H)



Bao vây virus và vi khuẩn

Vô hiệu hoá virus và vi khuẩn



KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi

Phân rã và loại bỏ mùi



GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ô nhiễm sẽ được trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

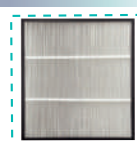
Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Tiết kiệm điện 50% (*1)
So sánh với chế độ tự động

TẮM LỌC KHÍ

Tắm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khi trời tiếp xúc với nước

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Allergu-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Vô hiệu hóa Virus



Vô hiệu hóa Vi khuẩn

nano-technology + electric = **nano^e**

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI



nano^e

ECONAVI

MEGA CATCHER

Humidification



F-VXK70A (Máy lọc không khí có tạo ẩm)

- Chức năng tạo ẩm có đèn báo.
- Thiết kế sang trọng, hiện đại.
- Công suất lớn, diện tích sử dụng 52m²
- Chế độ ECONAVI tiết kiệm tới 60% năng lượng tiêu thụ
- Công nghệ MEGACATCHER giúp làm sạch hiệu quả
- Chế độ cảm biến con người, giúp máy tự hoạt động khi có người xuất hiện
- Lưới lọc bụi HEPA hoàn toàn mới, lọc sạch cả các bụi PM1.0 nhỏ li ti
- Lưới lọc mùi và lưới tạo ẩm độ bền cao, tuổi thọ 10 năm

KHUYẾN CÁO

Vệ sinh lưới lọc bằng máy hút bụi hoặc chổi mềm.
Không vệ sinh lưới lọc bằng nước và các chất tẩy rửa khác sẽ làm hỏng lưới lọc.

Có thể đặt đứng hoặc treo tường



F-VXK70A

14.500.000



F-PXM55A

12.500.000



F-PXL45A

10.650.000



F-PXM35A

6.600.000



F-PXJ30A

4.300.000



F-P15EHA

3.500.000

Thông số kỹ thuật	F-VXK70A	F-PXM55A	F-PXL45A	F-PXM35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m ³ /min) - hi	6.7	5.3	4.5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	49	42	20	30	24
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	42	44	44	44
- Phạm vi hoạt động [[m ²]]	52	42	33	26	20	13
- Công nghệ lọc	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	—
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	—	HEPA
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi	—
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	—	—	—
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbo	●	●	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	●	●	●	●
- Chế độ báo thay bộ lọc	●	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	●	—	—	●
- Kích thước [C x R x S] [mm]	636x398x265	580x300x205	516x404x235	520x300x189	540x311x210	310x385x152
- Chế độ Econavi	●	●	●	—	—	—
- Điều khiển bằng remote	—	—	●	—	—	—
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	10 năm	10 năm	3 năm	3 năm	2 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	1.700.000 800.000	1.690.000 750.000	1.350.000 800.000	1.100.000 600.000	750.000 500.000	1.150.000 Hỗn hợp + khử mùi

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

LED DOWNLIGHT DN SERIES

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø109mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

NNNC7581388 - 450lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586388 - 450lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596388 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

240.000

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø114mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø95mm

NNNC7581488 - 675lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586488 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596488 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

285.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø144mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

NNNC7581588 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586588 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596588 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

376.000

Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø169mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNNC7581888 - 1125lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586888 - 1125lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596888 - 1125lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

440.000

Công suất 18W - 220V

Kích thước: Ø194mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø175mm

NNNC7581688 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586688 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596688 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

510.000



LED Downlight DN Series

LED DOWNLIGHT ĐIỀU CHỈNH GÓC

Công suất 3W - 220V - Chỉnh góc 38° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7630088 - 250lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7631088 - 250lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7635088 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

240.000

Công suất 5W - 220V - Chỉnh góc 60° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7624088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7629088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7628088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

270.000

Công suất 7W - 220V - Chỉnh góc 60° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7624188 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7629188 - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7628188 - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

310.000



LED điều chỉnh góc

Tự do, thoải mái điều chỉnh góc chiếu sáng



LED DOWNLIGHT ĐỔI 3 MÀU



Ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K

NNNC7646088

- Công suất: 9W - 810lm

- Kích thước: Ø127mm/H: 50mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

430.000

NNNC7646188

- Công suất: 12W - 1140lm

- Kích thước: Ø144/H: 55mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

530.000

NNNC7646288

- Công suất: 15W - 1650lm

- Kích thước: Ø169/H: 55mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

630.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

LED NEO SLIM DOWNLIGHT - MADE IN INDONESIA



Slim Downlight vuông - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 9W - 220V

Kích thước: L120xW120mm/ H: 30mm

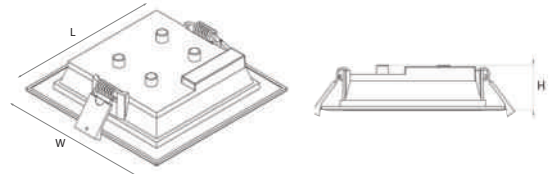
Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm

NNP72250 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72255 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

370.000



Slim Downlight tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

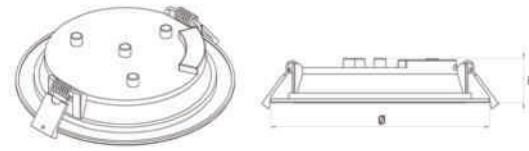
NNP71272 - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP71279 - 420lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP71278 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

255.000



Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

NNP72272 - 630lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP72279 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72278 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

299.000



Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNP74472 - 1130lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP74479 - 1130lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP74478 - 1130lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

479.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø145mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

NNP73472 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP73479 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP73478 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

385.000

Công suất 18W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNP74572 - 1440lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP74579 - 1440lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP74578 - 1440lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

535.000

NEW

LED DOWNLIGHT ALPHA SERIES - MADE IN INDONESIA

*Vỏ đèn kim loại, độ sáng sắc nét, tuổi thọ lên tới 40.000 giờ



Downlight LED Alpha Series tròn - CRI: Ra80

Công suất 8.6W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 35mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

NNP72243 - 770lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72253 - 815lm - Ánh sáng trung tính 5000K

NNP72286 - 850lm - Ánh sáng trắng 6500K

650.000



Downlight LED Alpha Series vuông - CRI: Ra80

Công suất 8.6W - 220V

Kích thước: L100xW100mm/ H: 42mm

Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm

NNP72283 - 697lm - Ánh sáng vàng 2700K

NNP72288 - 730lm - Ánh sáng trắng 6500K

750.000

LED DOWNLIGHT ONE-CORE - Sản xuất tại Indonesia



Downlight thường góc chiếu 100° - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40501K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

635.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40701K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD20701K19 - 622lm - Ánh sáng trắng 6500K

825.000



Downlight LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40508K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40708K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD20708K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.100.000



Downlight LED góc chiếu hẹp 24° - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD70501K19 - 310lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD50501K19 - 325lm - Ánh sáng trắng 6500K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD70701K19 - 510lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD50701K19 - 540lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.100.000



Downlight LED vuông - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, L100xW100xH80mm

HH-LD40507K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD20507K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K

960.000

DOWNLIGHT LED ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU - Sản xuất tại Indonesia



Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30,000 giờ

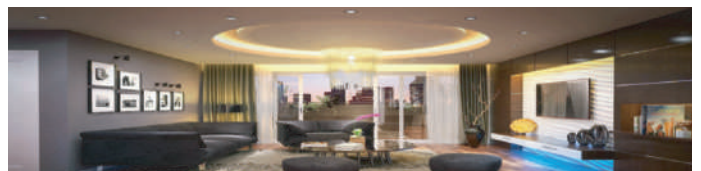
Công suất 7W - 220V, Ø75/H: 32mm

NNP21102 - 465lm - Ánh sáng trắng 6500K

Kích thước: Ø90mm/H: 32 mm

Kích thước khoét lỗ: Ø75mm

640.000



LED ỒP TRẦN NỔI (TRÒN)

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

LED NEO BULB

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø120mm/H: 36mm

NNNC7632088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7633088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7637088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

350.000

Công suất 12W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø170mm/H: 36mm

NNNC7632188 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7633188 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7637188 - 800lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

490.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 18W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø225mm

NNNC7622088 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7623088 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7627088 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

650.000

Công suất 24W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø300mm

NNNC7622188 - 1700lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7623188 - 1700lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7627188 - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

960.000

LED Neo Bulb - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 12,000 giờ

Công suất: 3W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV3LH7A - 280lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV3DH7A - 280lm - Ánh sáng trắng 6500K

66.000

Công suất: 7W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV7LH7A - 585lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV7DH7A - 650lm - Ánh sáng trắng 6500K

92.000

Công suất: 13W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV13LH7A - 1260lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV13DH7A - 1400lm - Ánh sáng trắng 6500K

149.000

Công suất: 5W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV5LH7A - 470lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV5DH7A - 470lm - Ánh sáng trắng 6500K

83.000

Công suất: 9W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV9LH7A - 729lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV9DH7A - 810lm - Ánh sáng trắng 6500K

118.000

Công suất: 15W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV15LH7A - 1530lm - Ánh sáng vàng 3000K

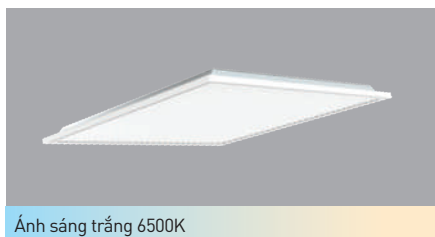
LDAHV15DH7A - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

174.000

NEW

ĐÈN PANEL VẮN PHÒNG

* Thời gian đặt hàng: 2,5 tháng

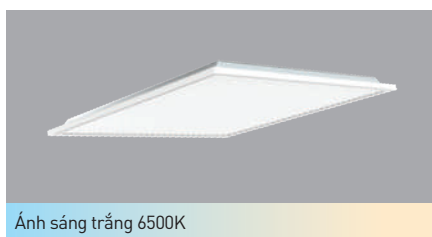


Ánh sáng trắng 6500K

NNFC7036088

- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: L595xW595xH38mm - Trọng lượng: 2kg
- Quang thông: 3900lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

1.490.000



Ánh sáng trắng 6500K

NNFC7036188 (Hiệu suất cao)

- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: L595xW595xH38mm - Trọng lượng: 2kg
- Quang thông: 4400lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

1.590.000



Ánh sáng trắng 6500K

NNFC7036888

- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: L1195xW595xH38mm - Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 4500lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

3.100.000

LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN

Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Downlight Panel tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ



Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H: 68mm

NNP71259 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

240.000

Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H: 68mm

NNP72249 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K

276.000

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H: 78mm

NNP73349 - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K

376.000



Công suất 6W-220V, Ø105mm/H: 21mm

NNP712563 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP712663 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K

245.000

Công suất 8W-220V, Ø105mm/H: 21mm

NNP722563 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K

280.000

Công suất 12W-220V, Ø155mm/H: 21mm

NNP735563 - 850lm - Ánh sáng vàng 3000K

379.000

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H: 21mm

NNP745563 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP745663 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

479.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH



	SCENE	Ánh sáng chính	Ánh sáng gián tiếp	Đèn rọi
BÌNH THƯỜNG		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000-6500K	—	—
THƯ GIÃN		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000K	TỐI ĐA Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K
RẠP HÁT		—	Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K
GIA ĐÌNH		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000-6500K	TỐI ĐA Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ502288

- Diện tích chiếu sáng: 18-22m²
- Công suất 79W/0.37A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H160mm - Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 5000lm - 63.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc

19.320.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ504988

- Diện tích chiếu sáng: 16-20m²
- Công suất 68W/0.31A/AC220-240V
- Kích thước: L900xW734xH104mm - Trọng lượng: 8.6kg
- Quang thông: 5000lm - 73.5lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

15.850.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 2700K

HH-LAZ317588

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L820xW820xH97mm - Trọng lượng: 7.7kg
- Quang thông: 3800lm - 79lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc, viền nhựa trong

11.570.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ317988

- Diện tích chiếu sáng: 12-16m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L600xW600xH129mm - Trọng lượng: 5.36kg
- Quang thông: 2500lm - 52lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền nhựa vân hình cánh hoa

10.990.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC306988

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - 83lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kép trắng

7.900.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC311788

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong

7.100.000

*Giá bán đã bao gồm VAT